

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 103/2025/DS-ST

Ngày 30 - 5 - 2025

*V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lâm Thị Nguyễn**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Kim Linh**;

Ông Lê Minh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hiệp** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông **Võ Minh Mẫn** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị D**, sinh năm 1959; cư trú tại: ấp L, xã L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1954 và ông **Phan Văn Đ**, sinh năm 1956; cư trú tại: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị D trình bày: Bà và vợ chồng bà Nguyễn Thị B, ông Phan Văn Đ là bạn bè quen biết lâu năm. Trước đây vợ chồng bà B sống cùng xã với bà; bà có cho vợ chồng bà B mượn tiền nhiều lần, mượn rồi trả. Từ ngày 02/02/2021(AL) đến ngày 24/12/2021(AL) vợ chồng bà B nhiều lần mượn tiền của bà cụ thể:

Ngày 02/02/2021 AL mượn 15.000.000 đồng; Ngày 10/02/2021 AL mượn 10.000.000 đồng; Ngày 24/02/2021 AL mượn 20.000.000 đồng; Ngày 24/12/2021 mượn 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng; Ngày 02/04/2021 AL mượn 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng; tổng số tiền bà B, ông Đ vay bà là 95.000.000 đồng. Các lần vay tiền đều có làm giấy nợ viết tay, mẫu giấy nợ do bà cung cấp, bà B là người điền nội dung và ký ghi họ tên người nhận. Hai bên không thỏa thuận thời gian trả nợ, hạn khi nào có thì trả. Lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, từ khi vay đến nay vợ chồng bà B có đóng lãi cho bà 02 lần, mỗi lần 1.000.000 đồng, sau đó không đóng lãi cũng không trả gốc cho bà. Bà tới nhà đòi nợ nhiều lần nhưng vợ chồng bà B không chịu trả nợ cho bà.

Nay bà yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị B và ông Phan Văn Đ liên đới trả cho bà số tiền nợ gốc là 95.000.000 (chín mươi lăm triệu) đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 02/02/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Ông Đ và bà B phải chịu chi phí giám định theo quy định của pháp luật.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:*

Vợ chồng bà và bà D là bạn bè quen biết nhau hơn chục năm. Trước đây vợ chồng bà có nhiều lần mượn tiền của bà D, mượn xong trả. Bà xác định vợ chồng bà có nợ bà D số tiền 95.000.000 đồng, có làm giấy nợ viết tay, bà viết giấy nợ vào sổ của bà D, không thỏa thuận thời gian trả nợ, hạn khi nào có tiền thì trả; lãi suất thỏa thuận 10.000.000 đồng một tháng 1.500.000 đồng tiền lãi. Hàng tháng vợ chồng bà đóng lãi đầy đủ cho bà D theo thỏa thuận đối với từng khoản vay, khi đóng lãi không có giấy tờ gì, chỉ đem tiền lại trực tiếp đóng lãi cho bà D. Năm 2021 vợ chồng bà vay ngân hàng số tiền 100.000.000 đồng đem về trả cho bà D số tiền gốc 90.000.000 đồng và bà D xé 05 giấy nợ gốc trong sổ trả cho bà vợ chồng bà; bà đã xé bỏ hết giấy nợ bản chính bà D đưa.

Sau đó 01 tháng vợ chồng bà có đến nhà bà D vay thêm 10.000.000 đồng thì bà D báo với bà là còn nợ 10.000.000 đồng và đưa giấy nợ cho bà coi. Bà thấy giấy nợ không giống chữ ký của bà nhưng do cần tiền gấp nên bà đồng ý số tiền này và viết thêm 01 giấy nợ 10.000.000 đồng cho bà D. Mấy tháng sau vợ chồng bà bán nhà và đem 20.000.000 đồng tới nhà trả nợ nhưng bà D không có nhà nên bà gửi cho bạn thân của bà D (bán quán cà phê trước nhà bà D) trả cho bà D. Khoản nợ này bà không lấy lại giấy nợ, bản gốc giấy nợ do bà D giữ, do nghĩ trả nợ xong nên bà không hỏi đến nữa.

Bà xác định 05 “giấy nhận nợ” các ngày 21/12/2021, 02/04/2021,

24/02/2021, 10/02/2021, 02/02/2021 do bà D cung cấp không phải chữ viết, chữ ký của bà. Bà đã trả nợ cho bà D xong và lấy lại bản chính giấy nợ, hiện nay không còn nợ bà D khoản nợ nào, không đồng ý trả nợ cho bà D.

** Bị đơn Ông Phan Văn Đ trình bày:* Ông là chồng của bà Nguyễn Thị B, vợ chồng ông chung sống có đăng ký kết hôn, hiện nay vẫn đang chung sống với nhau. Ông thống nhất với lời khai của bà Nguyễn Thị B như trên và không bổ sung gì thêm. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà D ông không đồng ý vì vợ chồng ông đã trả nợ gốc, lãi cho bà D xong, không còn nợ bà D khoản nợ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến khi giải quyết vụ án. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp hợp đồng vay tài sản; buộc bà Nguyễn Thị B và ông Phan Văn Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị D số tiền nợ gốc là 95.000.000 đồng và lãi suất 10%/năm từ ngày Tòa án thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử.

Đương sự phải chịu án phí, chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Nguyễn Thị B và ông Phan Văn Đ, địa chỉ tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét hợp đồng vay tài sản thì thấy rằng: Do bạn bè quen biết nhiều năm nên bà D có cho vợ chồng bà B, ông Đ vay tiền nhiều lần, vay rồi trả. Từ ngày 02/02/2021(AL) đến ngày 24/12/2021(AL) vợ chồng bà B nhiều lần mượn tiền của bà D là 95.000.000 đồng. Các bên thừa nhận khi vay có thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn trả nợ, hẹn khi nào có tiền thì trả; do đó Hội

đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản không có thời hạn và có lỗi được quy định tại Điều 463, 469 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Quá trình làm việc bà D đã cung cấp 05 bản chính “giấy nhận nợ” các ngày 02/02/2021, 10/02/2021, 24/02/2021, 02/04/2021, 21/12/2021 để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Bị đơn bà B, ông Đ xác định có vay tiền của bà D nhưng đã trả nợ cho bà D xong và lấy lại bản chính giấy nợ; chữ viết và chữ ký trong 05 giấy nợ bà D cung cấp cho Tòa án không phải của bà B viết và ký ra nên yêu cầu giám định chữ viết. Tại kết luận giám định số 680/KL-KTHS ngày 11/5/2025 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: “*Chữ ký và chữ viết trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A01 đến A05) với chữ ký và chữ viết trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M01 đến M07) là do cùng một người ký và viết ra*” nên có căn cứ cho rằng hợp đồng vay tài sản giữa bà D với bà B, ông Đ là có thật. Bị đơn cho rằng đã trả hết nợ cho nguyên đơn nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 469 của Bộ luật Dân sự, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị B và ông Phan Văn Đ phải liên đới trả cho bà Lê Thị D số tiền nợ gốc là 95.000.000 (Chín mươi lăm triệu) đồng.

[3] Về tiền lãi: Theo 05 “Giấy nhận nợ” và sự thừa nhận của các bên thể hiện các bên không thoả thuận thời hạn trả. Nguyên đơn khai bị đơn trả cho bà 02 lần lãi với số tiền 2.000.000 đồng. Bị đơn khai đóng lãi hàng tháng đầy đủ cho nguyên đơn nhưng không đưa ra chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình. Do có sự mâu thuẫn trong lời khai của các bên, không xác định rõ được lãi và có tranh chấp về lãi suất; Hội đồng xét xử căn cứ Điều 468 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự tính lãi suất là 10%/năm, thời điểm bắt đầu tính lãi từ ngày Tòa án thụ lý vụ án ngày 14/01/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/5/2025 là 04 tháng 16 ngày.

Tại phiên toà, nguyên đơn yêu cầu trả tiền lãi của số tiền 95.000.000 đồng theo quy định của pháp luật từ ngày 02/02/2021 cho đến ngày xét xử là không có cơ sở chấp nhận. Tiền lãi được tính là 95.000.000 đồng x 10%/năm x 04 tháng 16 ngày = 3.590.000 đồng.

[4] Về chi phí giám định: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu 2.820.000 đồng chi phí giám định. Ghi nhận bị đơn đã nộp và chi xong.

[5] Về án phí:

Bà Lê Thị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị B và ông Phan Văn Đ là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D đối với bà Nguyễn Thị B, ông Phan Văn Đ về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Bà Nguyễn Thị B và ông Phan Văn Đ phải liên đới trả cho bà Lê Thị D số tiền 98.590.000 đồng, trong đó nợ gốc 95.000.000 đồng, lãi là 3.590.000 đồng

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị B và ông Phan Văn Đ phải chịu 2.820.000 đồng chi phí giám định. Ghi nhận bị đơn đã nộp và chi xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị B và ông Phan Văn Đ được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Các đương sự trong vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi

hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Châu Thành;
- CCTHADS H.Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Lâm Thị Nguyễn